

Nghiên cứu gốc

THỰC TRẠNG TUYỂN SINH VÀ NHU CẦU TUYỂN DỤNG CỬ NHÂN DINH DƯỠNG TẠI VIỆT NAM

Lâm Quốc Hùng¹, Hoàng Thị Hồng Nhung^{1,✉}, Yoshiyuki Takato², Haruna Ubukata², Đinh Thị Thu Hằng¹, Nguyễn Trang Nhung¹, Nguyễn Thúy Hằng¹

¹ Viện Dinh dưỡng, Hà Nội

² Công ty Cổ phần Shidax, Nhật Bản

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu thực hiện nhằm mô tả thực trạng tuyển sinh giai đoạn 2013–2023 và nhu cầu tuyển dụng Cử nhân Dinh dưỡng giai đoạn 2024–2030 tại Việt Nam.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang trên đối tượng là tất cả các trường đại học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đào tạo mã ngành Cử nhân Dinh dưỡng và các đơn vị y tế công lập trực thuộc Bộ Y tế (63 Sở Y tế và 34 bệnh viện tuyến trung ương).

Kết quả: 7 trường đại học công lập 12 trường đại học tư thục đào tạo mã ngành Cử nhân Dinh dưỡng và 907 Cử nhân Dinh dưỡng đã tốt nghiệp sau 10 năm triển khai (2013–2023). Điểm tuyển sinh Cử nhân Dinh dưỡng dao động từ 17,7 đến 23,0 điểm; tỷ lệ tuyển sinh đạt 68,2%. Nhu cầu tuyển dụng Cử nhân Dinh dưỡng của các đơn vị y tế công lập giai đoạn 2024–2030 là 1961 người.

Kết luận: Đào tạo Cử nhân Dinh dưỡng tại Việt Nam đã tăng số lượng cơ sở đào tạo, mở rộng khu vực đào tạo từ miền Bắc vào miền Nam, từ hệ thống công lập sang tư thục giúp nâng cao số lượng Cử nhân Dinh dưỡng hàng năm nhưng mới chỉ đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực cho các đơn vị y tế công lập.

Từ khóa: Cử nhân Dinh dưỡng, tuyển sinh, nhu cầu tuyển dụng.

STATUS OF ADMISSIONS AND RECRUITMENT NEEDS FOR BACHELOR OF NUTRITION IN VIETNAM

ABSTRACT

Aims: To describe the admission status during the period of 2013–2023 and the recruitment demand for the Bachelor of Nutrition in the period of 2024–2030 in Vietnam.

Method: A cross-sectional study was conducted on all universities approved by the Ministry of Education and Training to train the Bachelor of Nutrition and public health units under the Ministry of Health (63 departments of health and 34 central hospitals).

Results: Seven public and five private universities have trained the Bachelor of Nutrition; and 907 Bachelors of Nutrition have graduated for 10 years of training implementation (2013–2023). The admission score for Bachelor of Nutrition ranged from 17.7 to 23.0 points; the admission rate was 68.2%. The recruitment demand for Bachelor of Nutrition from public health units is 1961 people in the period of 2024–2030.

Conclusion: Training Bachelor of Nutrition in Vietnam has increased the number of training facilities, expanded the training area from the North to the South, from the public to the private system, and increased number of graduates holding Bachelor of Nutrition each year. However it has only met the human resource need in public health units.

Keywords: Bachelor of Nutrition, admission, recruitment demand.

✉ Tác giả liên hệ: Lâm Quốc Hùng
Email: lamquochung.ninvn@gmail.com
Doi: 10.56283/1859-0381/800.

Nhận bài: 5/10/2024 Chính sửa: 14/10/2024
Chấp nhận đăng: 31/10/2024
Công bố online: 1/11/2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), chỉ số về số lượng dinh dưỡng viên/100.000 dân là một trong các chỉ số cốt lõi của Khung Giám sát Dinh dưỡng Toàn cầu để đo lường mục tiêu dinh dưỡng toàn cầu. Các chuyên gia dinh dưỡng được đào tạo làm việc tại các cơ sở y tế, ở cấp độ dân số và cộng đồng có thể ảnh hưởng đến các chính sách dinh dưỡng, cũng như việc thiết kế và thực hiện các chương trình can thiệp dinh dưỡng ở nhiều cấp độ khác nhau. Họ cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc đào tạo các cán bộ y tế và phi y tế khác để lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp dinh dưỡng ở nhiều cơ sở khác nhau. Sự sẵn có của một lực lượng lao động đầy đủ được đào tạo thích hợp về dinh dưỡng trong một quốc gia sẽ dẫn đến kết quả tốt hơn cho các mối quan tâm về dinh dưỡng và sức khỏe của từng quốc gia cụ thể [1].

Tuy nhiên, với tỷ lệ 2 cán bộ dinh dưỡng/100.000 dân như của Malaysia, thì Việt Nam cần có 2.000 cán bộ dinh dưỡng. Để đạt được mức như Anh, Pháp và Đài Loan (6-10 cán bộ dinh dưỡng/100.000 dân) thì số lượng cán bộ cần được đào tạo lên tới 8.000 người. Để đào tạo được 8.000 cán bộ này Việt Nam cần tới 10 năm [2]. Theo quy định tại thông tư 18/2020/TT-BYT về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện, mỗi 100 giường bệnh của cơ sở điều trị cần tối thiểu 1 cán bộ chuyên môn về dinh dưỡng [3]. Đây là nhu cầu rất lớn về nguồn nhân

lực của ngành dinh dưỡng, đặc biệt là nhân lực được đào tạo chính quy và chất lượng cao. Theo đó, Việt Nam cần tối thiểu hơn 2.000 nhân sự ngành để có thể đáp ứng nhu cầu cho hệ thống các bệnh viện. Số lượng này chưa kể nhu cầu nhân lực tại các đơn vị trong hệ thống y tế dự phòng, các phòng tư vấn, các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm, các trường Đại học, các viện nghiên cứu khác và các tổ chức phi chính phủ tổ chức hoạt động trong lĩnh vực dinh dưỡng và an toàn thực phẩm [4].

Để đào tạo CNDD đáp ứng được nhu cầu cấp bách về nguồn nhân lực dinh dưỡng chính quy trong thời gian ngắn nhất, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra và chất lượng hành nghề của các CNDD tại Việt Nam rất cần các nghiên cứu mô tả về thực trạng tuyển sinh CNDD tại các trường đại học ở Việt Nam và nhu cầu tuyển dụng CNDD là rất cần thiết sẽ cung cấp các bằng chứng khoa học để tham mưu, đề xuất với các Bộ, Ban ngành liên quan xây dựng các kế hoạch hỗ trợ đào tạo, định hướng môi trường làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp cho các CNDD tại Việt Nam. Đồng thời góp phần định hướng mở rộng, phát triển đào tạo ngành CNDD ở các trường đại học tại Việt Nam. Do vậy, nghiên cứu thực hiện với mục tiêu: mô tả thực trạng tuyển sinh giai đoạn 2013 – 2023 và nhu cầu tuyển dụng Cử nhân Dinh dưỡng giai đoạn 2023 – 2030 tại Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu và chọn mẫu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang trên đối tượng nghiên cứu là các trường đại học đào tạo mã ngành Cử nhân Dinh dưỡng, Sở Y tế và bệnh viện Trung ương trực thuộc Bộ Y tế.

Chọn tất cả các trường đại học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo mã ngành Cử nhân Dinh dưỡng và tất cả 63 Sở Y tế, các bệnh viện tuyến Trung ương trực thuộc Bộ Y tế.

2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Hồi cứu số liệu tuyển sinh trên trang website tại các trường đại học trong giai đoạn từ 2013 đến 2023. Nhu cầu tuyển dụng được thu thập qua gửi công văn kèm mẫu báo cáo về nhu cầu tuyển dụng từ

Viện Dinh dưỡng tới các đơn vị y tế công lập trực thuộc Bộ Y tế (Sở Y tế 63 tỉnh, thành phố và 34 bệnh viện trung ương) giai đoạn 2024 – 2030.

2.3. Phân tích số liệu

Sử dụng phần mềm Stata 17.0 để phân tích số liệu, số liệu được mô tả theo tần số, tỉ lệ phần trăm.

III. KẾT QUẢ

3.1. Thực trạng tuyển sinh cử nhân dinh dưỡng giai đoạn 2013 – 2023

Bảng 1. Điểm tuyển sinh ngành cử nhân dinh dưỡng giai đoạn 2013 - 2023

Tên trường đại học	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
ĐH Y Hà Nội	24,5	19,7	21,0	24,7	24,7	23,3	23,2
ĐH Thăng Long	15,75	15,0	18,2	15,5	20,35	-	-
ĐH Thành Đông	15,5	13,0/ 18,0 ^a	18	16,75	19,0/ 19,5 ^a	19,0/ 19,5 ^a	19,0/ 19,5 ^a
ĐH Y tế Công cộng	24	22	18	18	16	16,5	19
ĐH ĐD Nam Định	-	15	18	15	15	-	15,3
ĐH Đông Á	-	18	18	15	15	15	18
ĐH Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	-	20,25	21,7	23,4	24	20,35	23,4
ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	-	19,4	20,15/ 20,35 ^b	23/ 22,45 ^b	23,8/ 23,45 ^b	18,1/ 19,1 ^b	22,25/ 21,8 ^b
ĐH Trà Vinh			18	15	15,0/ 18,0 ^a	15	-
ĐH Tây Đô	-	-	-	-	15,0/ 16,5 ^a	15,0/ 16,5 ^a	15
ĐH Thủ Dầu Một	-	-	-	-	15	-	-
Toàn quốc	18,6	18	19,1	18,9	18,7	17,9	18,7

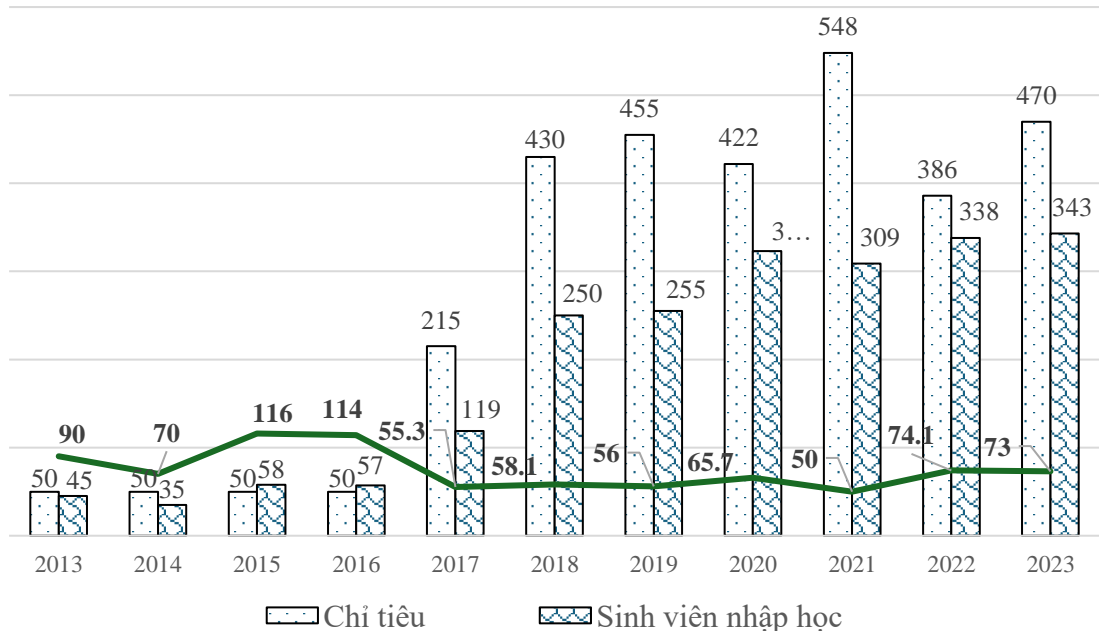
^a Điểm chuẩn kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia/Điểm xét kết quả học bạ.

^b Điểm chuẩn thí sinh có thường trú ngoài Tp.HCM/ thường trú trong TP. HCM.

Chương trình Đào tạo CNDD sau 10 năm triển khai tại Việt Nam (2013 – 2023) đã có 12 trường đại học trong toàn quốc được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo mã ngành CNDD. Trong đó trường ĐH Y Hà Nội là trường ĐH thí điểm đào tạo đầu tiên vào năm 2013, đến năm 2023 có 7 trường công lập (ĐH Y Hà Nội, ĐH Y tế công cộng, ĐH Điều dưỡng Nam Định, ĐH Y Dược TP. HCM, ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch, ĐH Thủ Dầu Một, ĐH Trà Vinh) và 5 trường tư thục (ĐH Thăng Long, ĐH Thành Đông, ĐH Đông Á, ĐH Tây Đô, ĐH quốc tế Hồng Bàng).

Về công tác tuyển sinh: Từ năm 2013, 2014, 2015 và 2016 chỉ có Trường Đại học

Y Hà Nội tuyển sinh với số điểm lần lượt là 20; 22,5; 23; và 21 điểm. Bảng 1 cho thấy điểm tuyển sinh CNDD trong toàn quốc dao động từ 17,9 đến 23,0 điểm. Điểm tuyển sinh không đồng đều ở các trường đại học, trong đó cao nhất là các trường ĐH thuộc top đầu tại Việt Nam như ĐH Y Hà Nội, ĐH Y Dược TP. HCM (dao động từ 18,1 – 24,5). Điểm tuyển sinh thấp hơn từ 15 – 18 điểm chủ yếu ở các trường Điều dưỡng Nam Định, ĐH Đông Á, ĐH Tây Đô, ĐH Trà Vinh. Tuy nhiên, năm 2022 có 2 trường tạm ngừng tuyển sinh đến nay là ĐH Thăng Long và ĐH Thủ Dầu, năm 2023 trường ĐH Trà Vinh cũng tạm ngừng tuyển sinh.



Hình 1. Chỉ tiêu tuyển sinh cử nhân dinh dưỡng giai đoạn 2013 - 2023

Hình 1 mô tả chỉ tiêu tuyển sinh và số lượng sinh viên Cử nhân Dinh dưỡng học tại các trường đại học giai đoạn 2013 – 2023 ở Việt Nam. Kết quả cho thấy: Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh CNDD tại Việt Nam tăng dần qua các năm, tổng chỉ tiêu tuyển sinh trong toàn quốc sau 10 năm triển khai là 3.126 sinh viên với số lượng sinh viên học thực tế là 2.132 sinh viên (đạt 68,2% tỷ lệ tuyển sinh).

Trong số 2132 sinh viên CNDD có 1568 CNDD đang học và 564 CNDD đã tốt nghiệp tính đến năm 2022, trong đó có 506 CNDD chính quy và 58 CNDD hệ vừa học vừa làm đã được đào tạo tại trường ĐH Thành Đông, dự kiến có thêm 343 CNDD tốt nghiệp vào năm 2024. Nâng tổng số Cử nhân Dinh dưỡng tại Việt Nam là 907 người.

3.2. Nhu cầu tuyển dụng Cử nhân Dinh dưỡng giai đoạn 2024 – 2030

Kết quả Bảng 2 cho thấy, nhu cầu tuyển dụng CNDD của 25 tỉnh/thành phố giai đoạn 2024 – 2030 là 726 người, ước lượng số lượng CNDD cần tuyển dụng trong toàn quốc đối với các đơn vị y tế công lập là 1829 người, trong đó nhu cầu năm 2024 là 608 CNDD, năm 2025 là 428 CNDD và giai đoạn 2026 – 2030 là 793 CNDD. Và các đơn vị tuyển dụng mong muốn các CNDD thực hiện các nhiệm vụ

trong giai đoạn tới là tập trung vào khám, tư vấn và điều trị dinh dưỡng (ước tính có 60/63 tỉnh/TP, chiếm 95,2%), dinh dưỡng tiết chế (ước tính có 58/60 tỉnh, thành phố, chiếm 92%); dinh dưỡng cộng đồng (ước tính có 50/63 tỉnh, thành phố, chiếm 79,4%) và các nhiệm vụ liên quan tới An toàn vệ sinh thực phẩm, truyền thông giáo dục dinh dưỡng, nghiên cứu khoa học (ước tính có 55/63 tỉnh/TP, chiếm 87,3%).

Bảng 2. Nhu cầu tuyển dụng cử nhân dinh dưỡng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2024 - 2030

Nội dung	Kết quả điều tra 25 tỉnh, thành phố trực thuộc TW			Ước lượng của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc TW		
	2024	2025	2026-2030	2024	2025	2026-2030
<u>Nhu cầu tuyển dụng cử nhân dinh dưỡng (người)</u>						
Bệnh viện đa khoa tỉnh, thành phố	48	31	63	121	78	159
Bệnh viện chuyên khoa tỉnh/thành phố	40	33	67	101	83	169
CDC/Trung tâm SKSS tỉnh, thành phố	11	10	16	28	25	40
Bệnh viện đa khoa quận, huyện	38	27	49	96	68	123
Trung tâm y tế quận/huyện	104	69	120	262	174	302
Cộng	241	170	315	608	428	793
<u>Nhiệm vụ thực hiện (đơn vị)</u>						
Dinh dưỡng cộng đồng	17	18	20	43	45	50
Dinh dưỡng tiết chế	22	22	23	55	55	58
Khám, tư vấn và điều trị dinh dưỡng	22	23	24	55	58	60
Chăm sóc dinh dưỡng	11	11	12	28	28	30
Các nhiệm vụ khác (NCKH, VSATTP, truyền thông, giáo dục dinh dưỡng)	20	21	22	50	53	55

NCKH-nghiên cứu khoa học; VSATTP-vệ sinh an toàn thực phẩm; SKSS-chăm sóc sức khỏe

Bảng 3. Nhu cầu tuyển dụng cử nhân dinh dưỡng tại các bệnh viện tuyến Trung ương giai đoạn 2024 – 2030

Nội dung	Kết quả điều tra 18 bệnh viện Trung ương			Ước lượng của 34 bệnh viện Trung ương		
	2024	2025	2026-2030	2024	2025	2026-2030
Nhu cầu tuyển dụng cử nhân dinh dưỡng (người)						
Đơn vị/khoa phòng tuyển dụng						
Khoa/Tổ dinh dưỡng	9	11	22	17	21	42
Khoa dinh dưỡng lâm sàng và tiết chế	2	2	9	4	4	17
Trung tâm dinh dưỡng lâm sàng	3	4	8	5	7	15
Cộng	14	17	39	26	32	74
Nhiệm vụ thực hiện (đơn vị)						
Dinh dưỡng tiết chế	7	7	7	13	13	13
Khám, tư vấn và điều trị dinh dưỡng	10	10	10	19	19	19
Khám, hội chẩn dinh dưỡng	4	4	4	8	8	8
Chăm sóc dinh dưỡng	5	5	5	9	9	9
Các nhiệm vụ khác (NCKH, VSATTP, truyền thông, giáo dục dinh dưỡng)	10	10	10	19	19	19

Kết quả Bảng 3 cho thấy, nhu cầu tuyển dụng CNDD của 18 bệnh viện TW giai đoạn 2024 – 2030 là 70 người, ước lượng số lượng CNDD cần tuyển dụng đối với 34 bệnh viện TW là 132 người, trong đó nhu cầu năm 2024 là 26 CNDD, năm 2025 là 32 CNDD và giai đoạn 2026

– 2030 là 74 CNDD. Nhiệm vụ các CNDD phải thực hiện trong giai đoạn 2024 – 2030 là tập trung vào khám, tư vấn và điều trị dinh dưỡng; VSATTP, TTGD dinh dưỡng, NCKH (19/34 BV, chiếm 55,9%), dinh dưỡng tiết chế (19/34 BV, chiếm 38,2%).

IV. BÀN LUẬN

3.1. Thực trạng tuyển sinh cử nhân dinh dưỡng giai đoạn 2013 – 2023

Chương trình Đào tạo CNDD sau 10 năm triển khai tại Việt Nam (2013 – 2023) đã có 12 trường đại học trong toàn quốc được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo mã ngành CNDD với điểm chuẩn tuyển sinh từ 17,7 đến 23,0 điểm. Điểm tuyển sinh không đồng đều ở các trường đại học, trong đó cao nhất là các trường đại học thuộc top đầu tại Việt Nam như ĐHY Hà Nội, ĐHY

Dược TP. HCM (dao động từ 18,1 – 24,5). Trường ĐHY Hà Nội là trường đại học thí điểm đào tạo mã ngành Cử nhân dinh dưỡng đầu tiên vào năm 2013, đến năm 2023 có 7 trường công lập (ĐHY Hà Nội, ĐHY tế công cộng, ĐHY Điều dưỡng Nam Định, ĐHY Dược TP. HCM, ĐHY khoa Phạm Ngọc Thạch, ĐHY Thủ Dầu Một, ĐHY Trà Vinh) và 5 trường tư thục (ĐHY Thăng Long, ĐHY

Thành Đông, ĐH Đông Á, ĐH Tây Đô, ĐH quốc tế Hồng Bàng). Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh CNDD tại Việt Nam tăng dần qua các năm, tổng chỉ tiêu tuyển sinh trong toàn quốc sau 10 năm triển khai là 3.126 sinh viên với số lượng sinh viên học thực tế là 2.132 sinh viên (đạt 68,2% tỷ lệ tuyển sinh). Đến năm 2024 số Cử nhân Dinh dưỡng tốt nghiệp tại Việt Nam là 907 người.

3.2. Nhu cầu tuyển dụng cử nhân dinh dưỡng giai đoạn 2024 – 2030

Nhu cầu tuyển dụng CNDD của 25 tỉnh/thành phố giai đoạn 2024 – 2030 là 726 người, ước lượng số lượng CNDD cần tuyển dụng trong toàn quốc đối với các đơn vị y tế công lập là 1829 người, trong đó nhu cầu năm 2024 là 608 CNDD, năm 2025 là 428 CNDD và giai đoạn 2026 – 2030 là 793 CNDD. Nhu cầu tuyển dụng CNDD của 18 bệnh viện TW giai đoạn 2024 – 2030 là 70 người, ước lượng số lượng CNDD cần tuyển dụng đối với 34 bệnh viện TW là 132 người, trong đó nhu cầu năm 2024 là 26 CNDD, năm 2025 là 32 CNDD và giai đoạn 2026 – 2030 là 74 CNDD. Tổng số nhu cầu tuyển dụng CNDD giai đoạn 2024 – 2030 là 1961 CNDD, trong đó giai đoạn từ 2024 – 2026 là 1094 CNDD. So sánh, đối chiếu với Biểu đồ 3.1: chỉ tiêu tuyển sinh Cử nhân Dinh dưỡng tại Việt Nam giai đoạn 2013 – 2023 có 1568 CNDD sẽ tốt nghiệp trong giai đoạn từ 2023 – 2027 sẽ đáp ứng được nhu cầu trong giai đoạn từ 2024 – 2026. Tuy nhiên kết quả này mới chỉ đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực cho các đơn vị y tế công lập và chưa có nguồn số liệu đối với các đơn vị y tế là các trường học, viện nghiên cứu hay các đơn vị y tế tư nhân đang hoạt động rất nhiều tại Việt Nam.

Nhiệm vụ của CNDD mà các đơn vị trong 63 tỉnh, thành phố tuyển dụng mong muốn các CNDD thực hiện trong giai đoạn tới là tập trung vào khám, tư vấn và điều trị dinh dưỡng (ước tính có 60/63 tỉnh/TP,

Kết quả cho thấy, đào tạo Cử nhân Dinh dưỡng tại Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc tăng số lượng đào tạo mà còn là sự mở rộng khu vực đào tạo từ miền Bắc vào miền Nam, từ hệ thống công lập sang tư thực giúp nâng cao số lượng CNDD hàng năm đáp ứng nhu cầu cấp thiết về tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng được đào tạo chính quy tại Việt Nam.

chiếm 95,2%), dinh dưỡng tiết chế (ước tính có 58/60 tỉnh, thành phố, chiếm 92%); dinh dưỡng cộng đồng (ước tính có 50/63 tỉnh, thành phố, chiếm 79,4%) và các nhiệm vụ liên quan tới An toàn vệ sinh thực phẩm, truyền thông giáo dục dinh dưỡng, nghiên cứu khoa học (ước tính có 55/63 tỉnh/TP, chiếm 87,3%). Ở 34 bệnh viện tuyển TW trực thuộc Bộ Y tế kỳ vọng CNDD đảm nhiệm các công việc là tập trung vào khám, tư vấn và điều trị dinh dưỡng; nghiên cứu khoa học, vệ sinh an toàn thực phẩm, truyền thông giáo dục dinh dưỡng (19/34 BV, chiếm 55,9%); dinh dưỡng tiết chế (19/34 BV, chiếm 38,2%). Các nhu cầu về nhiệm vụ của CNDD ở 63 tỉnh, thành phố cũng như tại 34 bệnh viện tuyển TW trong nghiên cứu này phù hợp với các nhiệm vụ chính của CNDD hiện nay đang làm trong nghiên cứu của Nguyễn Thùy Linh và Lê Thị Hương khi tiến hành trên 260 đối tượng bao gồm 142 người là cán bộ tại các cơ sở y tế, 37 người là trưởng phó khoa dinh dưỡng tại các đơn vị và 114 người là cựu sinh viên CNDD. 10 cuộc phỏng vấn sâu với lãnh đạo vụ/cục thuộc cơ quan quản lý của Bộ Y tế, Phó hiệu trưởng một số trường đại học và lãnh đạo các đơn vị sử dụng lao động và chuyên gia dinh dưỡng quốc tế; 10 thảo luận nhóm được tiến hành với cán bộ các khoa Dinh dưỡng và cán bộ Bộ môn Dinh dưỡng tại một số trường Đại học. Kết quả khảo sát của cho thấy, 90% những người

được khảo sát cho rằng nhiệm vụ của cử nhân Dinh dưỡng tại các đơn vị là: sàng lọc, khám, chẩn đoán dinh dưỡng; Tư vấn điều trị dinh dưỡng và truyền thông giáo dục dinh dưỡng; Dinh dưỡng tiết chế; lập

kế hoạch và xây dựng các chế độ dinh dưỡng bệnh lý; Xây dựng quy trình điều trị dinh dưỡng trong bệnh lý; Giám sát ATTP, giám sát chế biến suất ăn; Đào tạo và nghiên cứu khoa học [5].

V. KẾT LUẬN

Đào tạo Cử nhân Dinh dưỡng sau 10 năm triển khai tại Việt Nam (2013 – 2023) đã có 12 trường đại học trong toàn quốc được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo mã ngành CNDD, gồm 7 trường công lập và 5 trường tư thục. Điểm tuyển sinh CNDD dao động từ 17,7 đến 23,0 điểm; đạt 68,2% tỷ lệ tuyển sinh. Đến năm 2024, tổng số CNDD đã tốt nghiệp của Việt Nam sau 10 năm đào tạo là 907 người. Nhu cầu

tuyển dụng Cử nhân Dinh dưỡng của các đơn vị y tế công lập tại Việt Nam giai đoạn 2024 – 2030 là 1961 CNDD. Số lượng CNDD được đào tạo hiện nay ở các trường tại Việt Nam mới chỉ đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực cho các đơn vị y tế công lập chưa kể nhu cầu của các đơn vị y tế là các trường học, viện nghiên cứu hay các đơn vị y tế tư nhân.

Tài liệu tham khảo

1. Nutrition Landscape information system (NLiS). NutritNutrition and nutrition-related health and development data. <https://www.who.int/data/nutrition/nlis/info/nutrition-professionals-density>. Accessed July 20, 2021.
2. Nguyễn Đỗ Huy “Sự cần thiết của việc cấp chứng chỉ hành nghề dinh dưỡng tiết chế”. Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm 2019;15 (2): 20-28.
3. Thông tư 18/2020/TT-BYT ngày 12/11/2020 của Bộ Y tế quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện.
4. Cần tối thiểu 2000 dinh dưỡng viên cho hệ thống bệnh viện tại Việt Nam. <https://suckhoedoisong.vn/can-toi-thieu-2000-dinh-duong-vien-tai-cho-he-thong-benh-vien-tai-viet-nam-169220607092613765.htm>. Truy cập ngày 19/07/2022.
5. Nguyễn Thùy Linh, Lê Thị Hương và Ma Ngọc Yên. Thực trạng sử dụng và nhu cầu nhân lực cử nhân dinh dưỡng Việt Nam năm 2020. Tạp chí Nghiên cứu Y học 2021;146 (10).